

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/DS-PT

Ngày 12-5-2023

“*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Lê Văn Hữu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông** không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp bị nguyên đơn kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2023/QĐ-PT ngày 14-02-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1947 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 36 T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 37 đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1954 – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08-11-2022).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1957 – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị Thanh B, sinh năm 1969 – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Đinh Thị H, sinh năm 1950 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 36 T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: QA, cư xá B, phường C, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1954 – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08-11-2022).

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 50 đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Những người làm chứng:

4.1. Ông Dương Danh Q

4.2. Bà Nguyễn Thị H

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4.3. Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thuý L.

Địa chỉ: 41 L, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 04-10-2000, chị Nguyễn Thị Thu H (con gái của ông Nguyễn Văn R và bà Đinh Thị H) lập hợp đồng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thuý L 01 thửa đất. Thửa đất này trước đây ông T, bà L đã nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Ngọc M. Đất có diện tích 60m², có đất thổ cư, chiều ngang mặt đường giáp Quốc lộ 14 là 6m, chiều rộng phía sau là 6m, chiều sâu 2 cạnh là 10m, tọa lạc tại khối A, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; giá chuyển nhượng là 40.000.000 đồng, hai bên đã giao đất và trả hết tiền, hợp đồng không có công chứng, chứng thực.

Ngày 04-12-2017, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thuý L và ông Nguyễn Văn R lập lại hợp đồng chuyển nhượng cho ông R thửa đất số 122, tờ bản đồ số 19, diện tích 50,6m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số CI 544286 do UBND huyện Đ cấp ngày 26-11-2017 cho ông T, bà L. Giá chuyển nhượng là 150.000.000 đồng. Đất tọa lạc tại tổ dân phố N, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hợp đồng có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn K ngày 15-5-2018. Ngày 18-5-2018, ông Nguyễn Văn R được sang tên quyền sử dụng đất theo hồ sơ số 001317.001.

Cùng thời điểm này, ông R nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị H diện tích 06m chiều ngang mặt đường Quốc lộ 14 (đất bên cạnh). Phía sau cả hai thửa đất nhận chuyển nhượng của ông T, bà L và bà H đều là hồ sâu. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà H (vợ ông R) có thuê người đắp đất phần phía sau này. Sau đó ông Nguyễn Ngọc M tranh chấp phần phía sau thửa đất ông R nhận chuyển nhượng của ông T, bà L (nguồn gốc là đất của ông M chuyển nhượng cho ông T, bà L).

Ông R xác định trên đất tranh chấp có 01 móng chuồng dê diện tích

45,8m² và 01 chuồng gà (hiện tại chuồng gà đã bị đổ và hư hỏng không còn) là do gia đình ông M làm, ông R yêu cầu ông M, bà B phải tháo dỡ.

Ông R khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M, bà B phải trả lại 120m² đất tọa lạc tại tổ dân phố A, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Ngôn (đất ông R nhận chuyển nhượng từ bà Hoà, Tường, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Phạm Văn N) dài khoảng 20m, phía Tây giáp đất ông M dài khoảng 20m, phía Bắc giáp suối rộng 6m, phía Nam giáp đất ông R rộng 6m.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Tháng 10 năm 1987, ông M công tác tại Xí nghiệp 507 cầu đường (Đắk Lắk). Năm 1988, Xí nghiệp điều động ông về Hạt đường bộ 76 làm việc tại Đắk Nông. Ông M có khai hoang được 01 thửa đất có chiều rộng theo mặt đường Quốc lộ 14 là 21m, chiều sâu đến suối cận khoảng 50m; hai bên đất liền kề là bãi rác và vực sâu, chưa có ai sử dụng.

Ngày 30-4-1993, ông M được UBND huyện Đ cấp quyền sử dụng đất theo Quyết định giao đất số 95/QĐ-UB, diện tích được giao là 150m², chiều ngang mặt đường Quốc lộ 14 rộng 15m, chiều sâu 10m; lộ giới 15m; phần diện tích còn lại chưa được cấp GCNQSDĐ. Do thời điểm đó đất đai còn rộng, không ai sử dụng, không nghĩ đến chuyện tranh chấp nên ông không yêu cầu cấp thêm GCNQSDĐ, tuy nhiên gia đình ông M vẫn sử dụng đất ổn định.

Năm 1996, ông M chuyển nhượng 5m đất chiều ngang mặt đường Quốc lộ 14 cho bà Nguyệt, bà Nguyệt đã được cấp GCNQSDĐ.

Năm 1999, ông M chuyển nhượng cho ông T, bà L thửa đất có chiều ngang mặt đường Quốc lộ 14 rộng 06m; chiều sâu 10m; giá chuyển nhượng là 50.000.000 đồng, ông M đã nhận tiền và giao đất cho ông T, bà L. Phần đất phía sau ông M vẫn sử dụng. Năm 1998, ông M xây 01 móng chuồng dê có diện tích 45,8m² và 01 chuồng gà (hiện tại chuồng gà đã bị đổ và hư hỏng không còn).

Sau đó một thời gian, do lộ giới đường Quốc lộ 14 tăng từ 15m lên 18,5m, không đủ diện tích để tách thửa nên ông M chuyển nhượng thêm cho bà Đinh Thị H (là người đại diện theo uỷ quyền của ông T, bà L) 11,6m² đất để đủ diện tích cấp GCNQSDĐ, với giá 30.000.000 đồng. Như vậy, tổng diện tích ông M chuyển nhượng cho ông T, bà L và người đại diện theo uỷ quyền của ông T, bà L là bà Đinh Thị H là 71,6m². Do lộ giới đường Quốc lộ tăng từ 15m lên 18,5m nên thửa đất ông chuyển nhượng cho ông T, bà L sau khi đo đạc đăng ký và được cấp GCNQSDĐ ngày 28-11-2017 chỉ còn 50,6m². Sau đó, ông T, bà L chuyển nhượng cho ông R diện tích đất 50,6m² này.

Hiện tại gia đình ông M vẫn đang sử dụng ổn định thửa đất có chiều ngang 10m và phía sau cùng với thửa đất số 53 (phía sau thửa đất đã chuyển nhượng cho ông T, bà L và sau đó ông T, bà L chuyển nhượng lại cho ông R).

Nay ông R khởi kiện yêu cầu ông M trả 120m² đất tại thửa 53, tờ bản đồ số 19 thì ông M không đồng ý. Ông M không lấn chiếm đất của ông R, bà H và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Thanh B trình bày:

Bà B kết hôn với ông M từ năm 1996 đến năm 2012 thì ly hôn. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông R vì khi chuyển nhượng đất cho ông T, bà L không gồm phần phía sau đang tranh chấp. Diện tích đất chuyển nhượng 02 lần là $71,6\text{m}^2$ đất, nhưng sau đó ông T, bà L chỉ được cấp GCNQSDĐ với diện tích $50,6\text{m}^2$ do trừ lộ giới. Như vậy, khi ông T, bà L chuyển nhượng cho ông R thì diện tích đất cũng chỉ là $50,6\text{m}^2$.

Ông R không khai hoang, không nhận chuyển nhượng thêm nhưng khởi kiện buộc ông M phải giao thêm diện tích 120m^2 đất nữa là không đúng.

Phần diện tích đất phía sau, gia đình bà B vẫn sử dụng từ trước đến nay, năm 1998 xây 01 móng chuồng dê có diện tích $45,8\text{m}^2$ và 01 chuồng gà (hiện tại chuồng gà đã bị đổ và hư hỏng không còn).

Tại giai đoạn sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H trình bày:

Lời khai của ông Nguyễn Văn R như trên là đúng, bà H không bổ sung gì thêm và xác định trên đất tranh chấp 01 móng chuồng dê có diện tích $45,8\text{m}^2$ và 01 chuồng gà (hiện tại chuồng gà đã bị đổ và hư hỏng không còn) do gia đình ông M làm. Bà H yêu cầu ông M, bà B phải tháo dỡ và trả lại diện tích đất 120m^2 .

Tại giai đoạn sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H và người đại diện theo uỷ quyền bà Đinh Thị H trình bày:

Ngày 04-10-2000, chị H có nhờ bố mẹ là ông R, bà H mua hộ thửa đất có 6m chiều ngang giáp Quốc lộ 14, chiều dài hai cạnh là 10m và nhờ ông R, bà H thuê người đổ đất. Năm 2005, ông M lấn chiếm đất nên ông T, bà L phải uỷ quyền cho ông R, bà H mới lấy được đất phía trước còn phần đất phía sau thì ông M lấn chiếm. Chị H yêu cầu ông M, bà B phải trả 120m^2 đất lấn chiếm. Trên đất tranh chấp 01 móng nhà làm chuồng dê có diện tích $45,8\text{m}^2$ và 01 chuồng gà (hiện tại chuồng gà đã bị đổ và hư hỏng không còn) do gia đình ông M làm yêu cầu tháo dỡ.

Tại giai đoạn sơ thẩm, người làm chứng ông Dương Danh Quế trình bày:

Khoảng tháng 12 năm 2000, chị Hường (con gái ông R và bà H) có thuê ông Quế đổ đất san lấp mặt bằng tại vị trí đất giáp ranh với gia đình bà Hòa và đất nhà ông M ở Kiến Đức. Phần đất mà chị Hường thuê đổ ông không nhớ rõ là bao nhiêu xe do sổ sách hiện giờ không lưu trữ. Trong quá trình đổ đất không ai ngăn cản.

Tại giai đoạn sơ thẩm, người làm chứng bà Nguyễn Thị Hòa trình bày:

Năm 2000, bà Hoà chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Thu H thửa đất có diện tích $6\text{m} \times 50\text{m} = 300\text{m}^2$ từ mép đường nhựa ra phía sau khe suối. Sau đó chị Hường chuyển nhượng lại ông Ngôn. Đối với phần diện tích đất tranh chấp

giữa ông R và ông M và việc chị Hường có thuê ông Quế đồ đất thì bà Hoà không biết.

Tại giai đoạn sơ thẩm, người làm chứng ông Nguyễn Văn Thanh và bà Trần Thuý Lan trình bày:

Ngày 04-10-2020, ông T, bà L chuyển nhượng cho ông R, bà H thửa đất có diện tích 60m² (6mx10m), giá chuyển nhượng là 95.000.000 đồng; phần đất trống phía sau là hồ sâu. Sau này ông T và bà L nghe bà H nói ông M nhận đất này chứ không bán, bà H có đến gặp ông T trình bày thì ông T có uỷ quyền cho bà H khởi kiện nên đã lấy được đất phía trước còn phần đất hồ sâu phía sau ông R, bà H đồ đất thì ông bà không rõ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 95, 147, 157, 158, khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R đối với ông Nguyễn Ngọc M, về việc yêu cầu ông M phải trả 120m² đất tại tổ dân phố 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn R phải nộp 10.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc quyền sử dụng đất, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng ông R đã nộp tại Tòa án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 22-10-2022, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn R đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Nguyễn Văn R kháng cáo trong thời hạn luật định; là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của ông R.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Văn R:

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UB ngày 30-4-1993 của UBND huyện Đ giao cho ông Nguyễn Ngọc M diện tích 150m², đất chiều ngang mặt đường giáp Quốc lộ 14 là 15m, chiều sâu là 10m, đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông

Tường; Phía Nam giáp đất ông Trạng; phía Đông giáp đường Quốc lộ 14; phía Tây giáp thung lũng (có sơ đồ kèm theo (BL 68,73)).

Ngày 19-9-1998, ông Nguyễn Ngọc M làm đơn xin chuyển nhượng một phần diện tích đất 60m² cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thúy L, đất chuyển nhượng có tứ cận: Phía Đông giáp Quốc lộ 14 dài 6m; phía Tây giáp thung lũng dài 6m; phía Nam giáp phần còn lại đất ông M dài 10m; phía Bắc giáp đất ông Tường dài 10m, có xác nhận của địa phương. Ngày 06-3-1999, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 21/QĐ-UB cho phép ông M chuyển nhượng cho ông T 60m² (BL 74,63).

Ông Nguyễn Văn R cho rằng năm 2000 ông T, bà L đã chuyển nhượng 60m² đất trên cho ông ông R, việc chuyển nhượng viết tay. Ngoài ra ông R chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H 6m x 10m liền kề. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông R thuê ông Dương Danh Q đồ 400 xe đất lên phần đất trống phía sau. Năm 2008, ông R chuyển nhượng đất mua của bà H cho chị T, anh N. Phần đất nhận chuyển nhượng của ông T, bà L và phần đất đồ phía sau bị ông M lấn chiếm. Ông R phải liên hệ với ông T, bà L khởi kiện ông M mới trả lại phần đất lấn chiếm của ông T, bà L.

Năm 2017, ông T, bà L được cấp giấy CNQSD đất CI 544286 từ thửa đất nhận chuyển nhượng theo Quyết định số 21/QĐ-UB ngày 06/3/1999 của UBND huyện Đ đối với thửa đất số 122, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại tổ dân phố 9 (nay là tổ dân phố 1), thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, sau khi trừ lộ giới diện tích ghi trên giấy là 50,6m², phù hợp với lời khai của ông M về việc chuyển nhượng thửa đất có chiều sâu 10m, lộ giới theo Quyết định số 95/QĐ-UB ngày 30/4/1993 của UBND huyện Đ là 15m, sau đó lộ giới tăng lên 18,5m dẫn đến đất ông M chuyển nhượng cho ông T, bà L không đủ hạn mức giao đất theo Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông và ông M đã chuyển nhượng thêm 11,6m² đất để ông T, bà L đủ diện tích để được cấp giấy CNQSD đất 50,6m².

Ngày 04-12-2017, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thúy L hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho ông Nguyễn Văn R thửa đất số 122, tờ bản đồ 19 diện tích 50,6m² với giá 150.000.000 đồng, có xác nhận của địa phương.(BL 78)

Xét thấy diện tích đất tranh chấp 120m² nằm ngoài giấy chứng nhận QSDĐ ông T, bà L chuyển nhượng cho ông R. Trong quá trình giải quyết vụ án, chính quyền địa phương xác định diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 53, tờ bản đồ 19 hiện chưa có ai đăng ký sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn R khởi kiện nhưng không sử dụng đất và không cung cấp được một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Do đó không được nhà nước bảo hộ về quyền sử dụng đất theo khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R là đúng pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm ông Nguyễn Văn R kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới về quyền sử dụng đất. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

[3]. Về án phí: Tại giai đoạn phúc thẩm ông Nguyễn Văn R có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi. Ông R đã 75 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn R.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn R, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 95, 147, 157, 158, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R đối với ông Nguyễn Ngọc M, về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M phải trả 120m² đất tọa lạc tại tổ dân phố 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn R phải chịu 10.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, do đặc quyền sử dụng đất, được khấu trừ số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng ông R đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn R.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đăk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tài Sử

